

Bản án số: 15/2024/DS-ST

Ngày: 25 – 4 – 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Hưởng**
2. Ông **Trần Thanh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bé** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị H, sinh năm 1964; ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị P; Địa chỉ: ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày:*

Vào ngày 10/7/2022 âm lịch bà có cho bà P vay số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn thanh toán là 10 tháng, thỏa thuận bà P phải trả tiền cho bà vào ngày 10 hàng tháng gồm tiền gốc là 4.000.000 đồng và tiền lãi 2.000.000 đồng, trả trong vòng 10 tháng là hết nợ, việc vay tiền có làm giấy biên nhận do bà tự ghi, ký tên người giao tiền. Bà P đã nhận đủ tiền vay và ký tên vào biên nhận phía dưới người nhận tiền.

Sau khi vay tiền thì bà P đã trả tiền cho bà được 02 tháng (trả vào ngày 10/8/2022 âm lịch và ngày 10/9/2022 âm lịch) với số tiền 12.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 8.000.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng thì ngưng không thanh toán cho đến nay. Như vậy, bà P còn nợ bà số tiền gốc là 32.000.000 đồng và từ ngày 10/9/2022 âm lịch đến nay bà P không trả lãi cho bà.

Tại đơn khởi kiện ngày 24/7/2023, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị P phải trả cho bà số tiền vay còn nợ là 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, do sau khi vay bà P có trả cho bà được số tiền gốc là 8.000.000 đồng và sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì bà P có gửi trả thêm cho bà được số tiền gốc 1.000.000 đồng nên bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 9.000.000 đồng do bà P đã trả rồi. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Nay bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị P phải trả cho bà số tiền vay gốc còn nợ là 31.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 10/9/2022 âm lịch cho đến ngày Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu gì khác.

** Bị đơn bà Bùi Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để đưa chị Lâm Thị Bích N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án và tiến hành các thủ tục chung đúng theo quy định. Tiến hành lấy lời khai của chị N để xác định có giao tiền cho bà P hay không? Có trực tiếp chứng kiến bà P ký vào biên nhận hay không theo Yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ số 09/YC-VKS-DS ngày 24/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long.

- Do Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị tạm ngừng phiên tòa nên Kiểm sát viên không phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà H khởi kiện yêu cầu bà P trả tiền vay, bà P đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Bà P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bà P là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Bà H xác định vào ngày 10/7/2022 âm lịch có cho bà P có vay số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn thanh toán là 10 tháng, việc vay tiền hai bên có làm giấy biên nhận đề ngày

10/7/2022 âm lịch. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà H có cung cấp bản chính Biên nhận đề ngày 10/7/2022 âm lịch, bà P có ký tên vào biên nhận phía dưới người nhận tiền. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, bà P đã được Tòa án thông báo về việc bà H khởi kiện, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho bà P nhiều lần nhưng nhận văn bản mà không đến Tòa án, cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của bà H. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Đồng thời, tại phiên tòa bà H xác định cách nay khoảng một tuần bà P có trả thêm cho bà H số tiền gốc 1.000.000 đồng. Từ đó cho thấy, việc bà P có vay tiền của bà H và hiện vẫn còn nợ tiền bà H là thực tế có xảy ra. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà P trả tiền là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu đối với số tiền gốc: Bà H thừa nhận sau khi vay tiền thì bà P đã trả cho bà H được 02 tháng với số tiền 12.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 8.000.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng. Ngoài ra, sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì bà P có gửi trả cho bà H thêm số tiền gốc 1.000.000 đồng. Do đó, bà H yêu cầu bà P phải trả cho bà H số tiền gốc còn nợ là 31.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi: Theo lời trình bày của bà H khi vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng và trả tiền lãi hàng tháng, sau khi vay bà P có đóng lãi cho bà H được 02 tháng tiền lãi thì ngưng không đóng lãi cho bà H theo thỏa thuận nên bà H yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 10/9/2022 âm lịch là có căn cứ nên được chấp nhận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất áp dụng là 20%/năm. Thời gian tính lãi từ ngày 10/9/2022 âm lịch (là ngày 05/10/2022 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 25/4/2024) là 01 năm 6 tháng 20 ngày trên số tiền gốc 31.000.000 đồng với mức lãi suất 20%/năm thì tiền lãi là 9.644.000 đồng. Đối với số tiền lãi đã trả do đương sự không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà P có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay còn nợ là 40.644.000 đồng (trong đó tiền gốc là 31.000.000 đồng và tiền lãi là 9.644.000 đồng).

[7] Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu bà P trả số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận bà P đã trả cho bà H được số tiền gốc là 9.000.000 đồng nên bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 9.000.000 đồng do bà P đã trả rồi. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện bà H là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu bà P trả số tiền gốc là 9.000.000 đồng.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để đưa chị Lâm Thị Bích N vào tham gia tố tụng với tư cách người có

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án và tiến hành các thủ tục chung đúng theo quy định. Tiến hành lấy lời khai của chị N để xác định có giao tiền cho bà P hay không? Có trực tiếp chứng kiến bà P ký vào biên nhận hay không theo Yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ số 09/YC-VKS-DS ngày 24/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long. Xét thấy, đối với yêu cầu lấy lời khai của chị Lâm Thị Bích N thì Toà án đã tiến hành lấy lời khai của chị N tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2024, chị N xác định do bà H không biết chạy xe nên có nhờ chị N mang tiền đến đưa cho bà P, chị N mới mang tiền đến đưa cho bà P nhận số tiền 40.000.000 đồng và trực tiếp chứng kiến bà P ký tên vào giấy biên nhận, sau đó chị N đã đưa lại giấy biên nhận cho bà H. Như vậy, chị N chỉ đưa tiền dùm cho bà H, còn giao dịch vay tiền là giữa bà H và bà P như đã nhận định trên, chị N không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án này. Từ đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên toà của đại diện Viện kiểm sát và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.032.000 đồng. Bà H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H đối với bà Bùi Thị P. Buộc bà Bùi Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị H số tiền vay gốc là 31.000.000 đồng và tiền lãi là 9.644.000 đồng, tổng cộng là 40.644.000 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H yêu cầu bà Bùi Thị P trả số tiền vay gốc là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

3. Về án phí: Bà Bùi Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.032.000 đồng. Bà Ngô Thị H không phải chịu án phí. Bà Ngô Thị H đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006315

ngày 30 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được nhận lại.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly